

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 40

Chương 2: **KIÊN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 4: **MƯỜI MÔN**, Phần 4

Hai pháp là: Pháp sắc, pháp Vô sắc.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt kiến chấp của người, vì làm sáng tỏ trí ít có. Vì nhằm ngăn dứt kiến chấp của người: Tức hai pháp Sắc, cõi Vô sắc này rốt ráo là không người. Vì làm sáng tỏ trí ít có vì người thông minh có trí dùng hai pháp này để hiểu rõ các pháp. Vì sao? Vì hai pháp ấy có công năng gồm nhiếp tất cả các pháp.

Do các việc đó nên soạn luận này.

Thế nào là pháp sắc?

Đáp: Là mười nhập và phần ít của một nhập. Mười nhập là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Phần ít của một nhập: Là pháp nhập.

Hỏi: Thế nào gọi là pháp Vô sắc?

Đáp: Một nhập: đó là Ý nhập. Phần ít của một nhập là pháp nhập.

Hỏi: Thế nào là pháp sắc pháp Vô sắc?

Đáp: Nếu pháp gọi là sắc, thì thể là sắc là có sắc. Nếu pháp được gọi chẳng phải sắc, thì thể chẳng phải sắc, là vô sắc.

Lại nữa, nếu thể của pháp là bốn đại và bốn đại tạo, thì là sắc. Nếu thể của pháp chẳng phải bốn đại, chẳng phải bốn đại tạo, tức là không sắc.

Lại nữa, nếu bốn đại làm nhân, thể là sắc tạo, thì là sắc. Nếu pháp không do bốn đại làm nhân, thể chẳng phải bốn đại tạo, thì là vô sắc.

Lại nữa, nếu pháp có thể đời đời tăng trưởng, thì là sắc. Trái lại pháp ấy là vô sắc.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Ở đây, thế nào là tướng của sắc?

Đáp: Nghĩa dần dần đến là tướng sắc. Nghĩa hư hoại dần là tướng sắc. Nghĩa có phương hướng, xứ sở là tướng của sắc. Nghĩa ngăn ngại là tướng của sắc. Nghĩa cùng đi với kẻ thù, thường có tổn giảm là tướng của sắc.

Lại nữa, có ba nghĩa là tướng của sắc:

1. Có sắc có thể thấy, có đối.
2. Có sắc không thể thấy, có đối.
3. Có sắc không thể thấy, không đối.

Nghĩa của tướng có thể lấy, bỏ, là tướng của sắc.

Lại nữa, nghĩa ngăn ngại là tướng của sắc.

Hỏi: Sắc vi trần của quá khứ, vị lai và sắc vô tác, chẳng phải sắc phải không?

Đáp: Sắc kia cũng là sắc, có tướng của sắc. Nên sắc quá khứ đã ngăn ngại, sắc vị lai là sắc sẽ ngăn ngại. Vi trần tuy là một, nhưng không thể ngăn ngại, khi nhóm hợp thì có thể ngăn ngại. Sắc vô tác dù không có ngăn ngại, nhưng chỗ nương dựa là ngăn ngại.

Thế nào là chỗ nương? Đó là bốn Đại. Vì bốn Đại ngăn ngại, nên sắc kia cũng có ngăn ngại. Ví như cây lay động, thì bóng cây cũng lay động theo.

Lại nữa, nghĩa có thể trừ bỏ là tướng của sắc. Lại nữa, nghĩa có một tướng là tướng của sắc. Tướng sắc của nơi Mắt khác. Cho đến tướng của sắc trong pháp nhập khác.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Nghĩa chướng ngại có thể hủy hoại là tướng của sắc, trái với nghĩa này là tướng của vô sắc.

Hỏi: Vì sao sắc trong pháp nhập trong mười nhập không nói?

Đáp: Nếu sắc trải qua Sát-na là tánh của vi trần, là sắc trong pháp nhập của mười nhập. Sắc ấy dù trải qua sát-na, nhưng chẳng phải tánh của vi trần, cho nên không nói.

Lại nữa, nếu sắc là chỗ nương của năm thức, là chỗ duyên của năm thức, là sắc nói trong mười nhập. Sắc trong pháp Nhập chẳng phải chỗ nương của năm thức, cũng chẳng phải chỗ duyên của năm thức, cho nên không nói.

Hỏi: Sắc cõi Sắc là nhiều hay sắc cõi Dục nhiều?

Đáp: Nếu dùng nhập thì sắc cõi Dục nhiều. Vì sao? Vì sắc cõi Dục là phần ít của hai nhập và chín nhập. Sắc cõi Sắc là phần ít của chín nhập.

Nếu dùng phần thể thì sắc cõi Sắc là nhiều. Vì sao? Vì như Luận

Thi Thiết nói: Thân của chư thiên ở tầng trời Quang Âm chuyển thành thân trời Đại Phạm thế, cho đến thân trời A-ca-ni-trá, cũng lại chuyển thành thân Đại Phạm.

Hai pháp là: Pháp có thể thấy và pháp không thể thấy.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt kiến chấp của người, vì làm sáng tỏ trí ít có, nên nói rộng như trên.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận này là vì ngăn dứt ý của người nói nghĩa như nhau.

Hoặc có thuyết nói: Tất cả pháp đều có thể thấy như Tôn giả Cù-sa v.v... Tôn giả Cù-sa nói rằng: Tất cả pháp đều có thể thấy vì là cảnh giới của tuệ nhãn.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng để nói rằng pháp có thể thấy, không thể thấy, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là pháp có thể thấy?

Đáp: Pháp có thể thấy là một nhập, đó là sắc nhập.

Pháp không thể thấy là thế nào?

Đáp: Đó là mười một nhập.

Hỏi: Vì sao trong mười sắc nhập chỉ nói một nhập là pháp có thể thấy? Các nhập còn lại chẳng thể thấy?

Đáp: Vì sắc nhập là thô, hiện thấy, nói rộng như trong mười hai nhập.

Sắc nhập có hai mươi thứ: Dài, ngắn, vuông, tròn, tốt, không tốt, cao, thấp, xanh, vàng, đỏ, trắng, sự sáng suốt, bóng, sáng, tối, mây, khói, bụi, sương mù.

Lại có thuyết nói: Có hai mươi một thứ. Hai mươi thứ như trước đã nói và một thứ sắc của hư không.

Hai mươi thứ sắc này, có bao nhiêu thứ có sắc, không có hình? Bao nhiêu thứ có sắc, có hình?

Đáp: Tám thứ có sắc không có hình: xanh, vàng, đỏ, trắng, sự sáng suốt, bóng, sáng, tối. Mười hai thứ còn lại là có sắc, có hình.

Lại có thuyết tạo ra bốn trường hợp: Hoặc có sắc, không có hình. Hoặc có hình không có sắc. Cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Có sắc không có hình: Như Xanh, vàng, đỏ, trắng, sự sáng suốt, bóng, sáng, tối. Đây là tám thứ.

2. Có hình không có sắc: Thân có tạo ra sắc.

3. Có sắc, có hình: Dài, ngắn, vuông tròn, tốt đẹp, không tốt đẹp, cao, thấp, mây, khói, bụi, sương mù. Đây là mười hai thứ.

4. Không có sắc, không có hình: Nếu sắc không có sắc, thì cũng không có hình.

Hỏi: Nghĩa có thể thấy là sao? Thế nào là nghĩa không thể thấy?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì có thể thấy ở chỗ kia, chỗ này, là nghĩa có thể thấy. Vì không thể thấy ở chỗ kia, chỗ này, là nghĩa không thể thấy.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Là cảnh giới của mắt, là chỗ vận hành của mắt, là nghĩa có thể thấy. Trái với nghĩa này là nghĩa không thể thấy.

Hỏi: Hình tượng trong đồ đựng nước và hình tượng trong gương soi là thật hay chẳng thật?

Như phái Thí dụ giả nói: Chẳng phải là thật. Vì sao? Vì gương soi không vào trong mặt, mặt không vào trong gương.

Thế nào là thật?

Phái A-tỳ-đàm nói: Là thật. Vì sao? Vì sắc nhập này là chỗ duyên của nhãn thức.

Hỏi: Mặt không vào trong gương soi, gương soi không vào trong mặt, sao là thật?

Đáp: Nếu nói từng ấy thứ sắc sinh là sắc nhập, thì sẽ không nói một thứ sắc sinh. Như duyên theo mặt trăng, duyên theo sự sáng suốt mặt trăng, vì viên ngọc duyên theo đồ đựng, nên khi ra khỏi nước mà vẫn có tác dụng của nước. Như duyên theo mặt trời, duyên theo sự sáng suốt mặt trời, viên ngọc, vì duyên theo lửa đốt phân bò khô, nên lúc đã ra khỏi lửa mà vẫn có tác dụng của lửa, chẳng phải không có cái thật của viên ngọc. Như nhân nơi lửa, dùi lửa, diêm quẹt, vì nhân công, nên khi ra khỏi lửa, mà vẫn có tác dụng của lửa, chẳng phải không có cái thật của lửa.

Cũng thế, duyên theo gương soi, duyên theo mặt, sinh hình trong gương soi, thật có công dụng của hình tượng, có thể sinh ra nhãn thức, chẳng phải không có cái thật của nhãn thức đó.

Tiếng vang đã nghe, là thật hay chẳng phải thật?

Phái Thí dụ giả nói: Chẳng phải thật. Vì sao? Vì lúc tiếng sinh ra trong khoảng một sát-na, tức tiếng của sát-na kia đã diệt thì đâu thể thấu nhận được và sinh ra tiếng vang?

Người A-tỳ-đàm nói: Là thật. Vì sao? Vì là cảnh giới của tai, là đối tượng nhận biết của nhĩ thức?

Hỏi: Như khi tiếng sinh trong khoảng một sát-na, tức tiếng của sát-na kia đã diệt, đâu thể thấu nhận được và sinh ra tiếng vang?

Đáp: Nếu nói từng ấy thứ sinh ra tiếng là thanh nhập, thì sẽ không nói một thứ sinh ra tiếng. Như duyên theo lưỡi, răng, môi, gò má, cổ họng v.v..., vì xúc chạm nhau nên phát ra tiếng, sinh ra nhĩ thức, chẳng phải không có cái thật của tiếng. Tiếng vang kia cũng giống như thế.

Hai pháp là: Pháp có đối, pháp không có đối.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn dứt kiến chấp của con người, làm sáng tỏ trí ít có (nói rộng như trên).

Thế nào là pháp có đối?

Đáp: Là Mười sắc nhập: Năm nội nhập và năm ngoại nhập.

Pháp không có đối là thế nào?

Đáp: Là Hai nhập: Ý nhập và Pháp nhập.

Có đối có ba thứ:

1. Chướng ngại có đối.

2. Cảnh giới có đối.

3. Duyên có đối.

Chướng ngại có đối: Như dùng tay đánh vào tay, lại chướng ngại nhau, lấy đá đập đá, lại chướng ngại nhau.

Các pháp như thế, gọi là chướng ngại có đối.

Cảnh giới có đối: Như mắt đối với sắc v.v... Đó gọi là cảnh giới có đối.

Duyên có đối: Như pháp tâm, tâm sở đều tự thọ nhận sở duyên. Đó gọi là duyên có đối.

Ba thứ có đối, ở đây dựa vào chướng ngại có đối để soạn luận.

Hỏi: Về chướng ngại có bao nhiêu nhập?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Chướng ngại là một nhập, tức là xúc nhập. Các nhập còn lại chẳng phải xúc.

Lại có thuyết nói: Chướng ngại là năm nhập: Chướng ngại thân nhập trong nội nhập, chướng ngại sắc, hương, vị, xúc trong ngoại nhập. Nếu nói rằng: Chướng ngại năm nhập: Lúc dùng tay đánh tay, là dùng năm đánh năm, khi dùng tay đập đá v.v..., thì dùng năm đánh bốn. Lúc dùng đá đập đá v.v..., là dùng bốn đập bốn. Khi lấy đá đập vào tay, thì dùng bốn đánh năm.

Lại có thuyết nói: Chướng ngại là chín sắc nhập, trừ thanh nhập. Nếu khi dùng tay đánh vào mắt, há chẳng phải ngăn ngại hay sao?

Lời bình: Nên nói rằng: Chướng ngại là mười nhập. Nếu không chướng ngại Thanh nhập, thì tiếng sẽ không có nghĩa chứa nhóm. Luận Thi Thiết nói: Mắt quyết định đối với sắc, sắc quyết định đối với mắt,

cho đến ý quyết định đối với pháp, pháp quyết định đáp lại ý.

Tôn giả ấy soạn luận, nói cảnh giới có đối: Có mắt trong nước, không chướng ngại, trên đất liền thì chướng ngại, như cá v.v... Có mắt ở trên đất liền không chướng ngại, xuống nước thì chướng ngại, như con người v.v...

Ở dưới nước không trở ngại, trên đất liền không trở ngại, như người Tu Bạt Đà, La-sát, Thủy Sinh v.v...

Chướng ngại ở dưới nước, chướng ngại ở trên đất liền, trừ ngần ấy việc trên.

Có mắt không chướng ngại ban đêm, ban ngày thì chướng ngại, như chim diệt, chim cú v.v... Ngày đêm không chướng ngại: Như nai, ngựa, chồn, mèo v.v...

Ngày, đêm chướng ngại: Trừ ngần ấy việc trên.

Trong các pháp này, sao là có đối, sao là không có đối?

Đáp: Nếu pháp nào chứa nhóm vi trần là có đối. Nếu không chứa nhóm vi trần là pháp không có đối.

Lại nữa, có vô số thứ tướng khác là có đối, không có các thứ tướng khác là không có đối.

Lại nữa, nếu có tướng che lấp là có đối, không có tướng che lấp là không có đối.

Lại nữa, nếu có tướng chứa nhóm là có đối, không có tướng chứa nhóm là không đối.

Lại nữa, nếu có hình dứt lớn là có đối, không có hình dứt lớn là không có đối.

Lại nữa, nếu có thể trừ bỏ là có đối, không thể trừ bỏ là không có đối.

Tôn giả Ba-xa nói: Nếu có tướng dị biệt, tức là chướng ngại, nếu có chướng ngại là chứa nhóm, nếu có chứa nhóm, tức là hình dứt, tức là có thể trừ bỏ. Nếu có thể trừ bỏ, tức là có đối. Trái với các hình tướng này tức là không có đối.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Có tướng khác nhau, có tướng chướng ngại là có đối, không có tướng khác nhau, không có tướng chướng ngại là không có đối.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Tướng đáng trừ bỏ, là có đối, không đáng trừ bỏ là không có đối.

Tôn giả Cù-sa nói: Nếu là tánh vi trần của chứa nhóm, có sắc, có thể lập bày tướng mạo dài, ngắn, cũng có thể phát ra tiếng, là có đối. Chứa nhóm tánh vi trần, tức là nói về tám nhập. Có sắc, có thể lập bày

về dài, ngắn, là nói về sắc nhập, cũng có thể phát ra tiếng, là nói về Thanh nhập. Trái với các pháp trên là không có đối.

Tôn giả Bà-ma-lặc nói: Nhóm hợp nhiều nhóm vi trần là có đối, trái lại là không có đối.

Hai pháp là: Pháp hữu lậu và pháp vô lậu.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn dứt kiến chấp của người, nhằm làm sáng tỏ trí ít có (nói rộng như trên).

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận này là muốn ngăn dứt ý của người nói nghĩa như nhau như bộ Ma-ha-tăng-kỳ nói: Thân Phật hoàn toàn vô lậu.

Hỏi: Vì sao Tôn giả ấy nói như thế?

Đáp: Vì Tôn giả kia dựa vào kinh Phật, kinh Phật nói: Như lai ở thế gian, sinh trưởng tại thế gian, mà ra khỏi thế gian, không bị thế gian làm nhiễm ô.

Tôn giả kia nói rằng: Nếu Phật xuất hiện ở thế gian, không bị thế gian làm nhiễm ô, thì đủ biết thân Phật là hoàn toàn vô lậu.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng là nói Phật là hữu lậu. Nếu thân Phật là vô lậu, thì nàng Vô Tỷ đã không đối với thân Phật sinh tâm ái. Ngoài ra nói rộng như trong Kiên-độ Tạng.

Thế nào là pháp hữu lậu?

Đáp: Là Mười nhập và phần ít của hai nhập. Đó là ý nhập và pháp nhập.

Thế nào là pháp vô lậu?

Đáp: Là Phần ít của hai nhập, là ý nhập và pháp nhập.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp hữu lậu, pháp vô lậu?

Đáp: Nếu pháp làm tăng trưởng hữu, là hữu lậu, trái với pháp này là vô lậu.

Lại nữa, nếu pháp có thể làm cho hữu nối tiếp nhau, có thể làm tăng trưởng sinh, già, bệnh, chết là hữu lậu, trái với pháp này là vô lậu. Cho đến nói rộng: Nếu pháp rơi vào Khổ đế, tập đế, là hữu lậu, trái với pháp này là vô lậu.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Thế nào là tướng hữu lậu, thế nào là tướng vô lậu?

Đáp: Từ hữu lậu sinh, là tướng hữu lậu, không từ hữu lậu sinh là tướng vô lậu.

Lại nữa, làm cho sinh ra tướng hữu lậu, là hữu lậu, không thể sinh ra tướng hữu lậu là vô lậu.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Nếu xứ sở có thể sinh ra lậu, là tướng hữu lậu, nếu xứ sở không thể sinh ra lậu là tướng vô lậu.

Hai pháp là: Pháp hữu vi và pháp vô vi.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt kiến chấp của người, vì muốn làm sáng tỏ trí ít có (nói rộng như trên).

Thế nào là pháp hữu vi?

Đáp: Mười một nhập và phần ít của một nhập, là pháp nhập.

Thế nào là pháp vô vi?

Đáp: Phần ít của một nhập, là pháp nhập.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp hữu vi, vô vi?

Đáp: Nếu pháp có sinh, diệt, có nhân, có tướng hữu vi, là pháp hữu vi. Trái với pháp này là pháp vô vi.

Lại nữa, nếu pháp thuộc về nhân, thuộc về duyên, thuộc về chỗ tạo tác, thuộc về hòa hợp, là pháp hữu vi. Trái với pháp này là pháp vô vi.

Lại nữa, nếu pháp là năng sinh sở sinh, là năng trụ sở trụ, là năng già sở già là pháp hữu vi. Trái với pháp này là pháp vô vi.

Lại nữa, nếu pháp vận hành ở đời, có thể nhận lấy quả, có thể biết duyên, có thể tạo tác, là pháp hữu vi. Trái với pháp này là pháp vô vi.

Lại nữa, nếu pháp rơi vào thế gian ở ấm, là sự nối tiếp nhau của khổ, có trước, sau, có thượng, trung, hạ, là pháp hữu vi. Trái với pháp này là pháp vô vi.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Thế nào là tướng hữu vi?

Đáp: tướng ấm ở thế gian là tướng hữu vi.

Hỏi: Thế nào là tướng vô vi?

Đáp: Chẳng phải là tướng thế gian, chẳng phải tướng là ấm, là tướng vô vi.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Nếu do chúng sinh, có sinh, diệt thì đó là tướng hữu vi, nếu không do chúng sinh không có sinh diệt, đó là tướng vô vi.

Ba Pháp là: Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại.

Thế nào là pháp quá khứ?

Đáp: Năm ấm của quá khứ.

Thế nào là pháp vị lai?

Đáp: Là năm ấm vị lai.

Thế nào là pháp hiện tại?

Đáp là: Năm ấm hiện tại.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì ngăn dứt ý của thuyết nói về nghĩa như nhau. Như pháp Thí Dụ giả nói: Thế gian là thường. Hành là vô thường. Khi hành chuyển vận ở đời, như vật dụng từ đồ đựng đến đồ đựng, giống như nhiều người từ một nhà đến một nhà. Các hành chuyển vận ở đời, cũng giống như thế.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói hành tức là thế thế, tức là hành. Cho nên Kiên-độ Bốn Đại nói rằng: Thế gian gọi là pháp gì?

Đáp: Là lời nói mà thực hành.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận này là ngăn dứt ý của người nói không có quá khứ, vị lai, ngu ở đời, nói hiện tại là pháp vô vi, cũng nói quá khứ, vị lai là thật có tướng. Nếu không có quá khứ vị lai thì không thành tựu, bất thành tựu, như đầu thứ hai, tay thứ ba, ẩm thứ sáu, nhập thứ mười ba. Không có thành tựu, bất thành tựu: Nếu không có quá khứ, vị lai, thì sẽ không có thành tựu, bất thành tựu. Nếu có thành tựu, không thành tựu, thì biết phải có quá khứ, vị lai là thật có tướng. Nếu nói không có quá khứ, vị lai thì lẽ ra nói rằng: Quá khứ kia, nếu lúc tạo nhân hiện tại, thì quả kia nên nói là ở quá khứ? Nên nói ở vị lai hay nên nói ở hiện tại? Nếu ở quá khứ thì lẽ ra phải nói có quá khứ, chẳng nên nói không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì việc này không đúng. Nếu nói ở vị lai, thì lẽ ra phải nói có vị lai, không nên nói không có vị lai. Nếu nói không có vị lai, thì việc này không đúng. Nếu nói ở hiện tại, thì nhân, quả sẽ đi chung. Nếu nhân, quả đi chung, thì trái với kệ đã nói. Như nói:

*Làm ác không thọ ngay
Không như sữa thành lạc
Ngu đập lửa đáy tro
Không đốt chân tức thì.*

Nếu quả không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, thì không có quả. Nếu không có quả, thì không có nhân. Như đầu thứ hai, tay thứ ba, ẩm thứ sáu, nhập thứ mười ba.

Nếu có nhân có quả không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, tất nhiên là thường, như pháp vô vi. Nếu quả ở lúc hiện tại, thì nhân của quả đó, phải nói ở chỗ nào? Là ở quá khứ, ở vị lai hay ở hiện tại? Nếu ở quá khứ thì cũng như trên đã nói. Nếu ở hiện tại thì cũng như đã nói ở trên. Nếu không ở quá khứ, vị lai, hiện tại, thì không có nhân. Nếu không có nhân, thì không có quả, như đầu thứ hai, tay thứ ba, ẩm thứ sáu, nhập

thứ mười ba. Nếu có nhân, quả không ở ba đời, thì lẽ ra là thường, như pháp vô vi.

Lại nữa, nếu không có quá khứ, vị lai, thì không có pháp xuất gia, như kệ nói:

*Nếu nói không quá khứ
Tức không Phật quá khứ
Nếu không Phật quá khứ
Thì không pháp xuất gia.*

Lại nữa, nếu không có quá khứ, vị lai, thì thường nói đối, như kệ nói:

*Nếu nói không quá khứ
Mà nói có số (Hạ)
Thì trong tất cả thời
Mà thường nên nói đối.*

Lại nữa, nếu không có quá khứ, vị lai, thì không có hiện tại. Vì sao? Vì có quá khứ, vị lai, nên mới lập bày hiện tại. Nếu không có ba đời, thì không có pháp hữu vi. Nếu không có pháp hữu vi, thì cũng không có pháp vô vi. Vì sao? Vì có hữu vi, nên lập bày vô vi. Nếu không có pháp hữu vi, vô vi, thì sẽ không có tất cả pháp. Nếu không có tất cả pháp, thì sẽ không có giải thoát, xuất ly.

Vì muốn không có các lỗi như thế, nên nói quá khứ, vị lai thật có tướng. Cho nên, vì ngăn dứt nghĩa của người khác, và muốn làm sáng tỏ nghĩa của mình, cũng muốn chỉ bày rõ nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn luận này.

Hỏi: Thể tánh của thế gian là gì?

Đáp: Năm ấm của quá khứ, năm ấm của vị lai, hiện tại. Đây là thể tánh của thế gian, cho đến nói rộng.

Đã nói thể tánh của thế gian, về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là thế gian? Thế gian là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa đi là nghĩa thế gian.

Hỏi: Các hành không đến, không đi. Nếu đến thì không đi. Nếu đi thì sẽ không đến. Nếu đến thì nơi đến lẽ ra là không. Vì sao? Vì đã từ nơi đó đến. Nếu đã đi thì sẽ ngăn ngại chỗ đi. Vì sao? Vì sẽ đến chỗ ấy. Cho nên, Tôn giả Hòa-tu-mật nói kệ rằng:

*Các hành không tướng đến
Vì các sát-na
Mà không có tướng đi
Cũng không có trụ lại.*

Nếu hành không có đến, đi, thì làm sao có ba đời?

Đáp: Vì có chỗ tạo tác. Nếu các hành không có sự tạo tác, thì đó gọi là vị lai. Nếu có tạo tác, thì đó gọi là hiện tại. Nếu chỗ tạo tác đã xong, đó gọi là quá khứ. Nếu mắt chưa thấy sắc, là sắc sẽ thấy trong vị lai, là sắc hiện tại đang thấy, đã diệt mất là quá khứ.

Nếu vậy, thì mắt của phần quá khứ kia ở hiện tại, làm sao có sự tạo tác?

Đáp: Vì tạo ra nhân giống nhau, nên nếu không hiện ở trước, thì sẽ không làm nhân tương tự cho mắt ở vị lai. Nếu hiện ở trước, thì sẽ làm nhân tương tự cho mắt trong vị lai. Cho đến ý cũng giống như thế.

Nếu sắc chưa tạo ra chướng ngại là vị lai. Nếu tạo ra chướng ngại, là hiện tại. Nếu tạo ra chướng ngại đã diệt là quá khứ. Như thọ chưa sinh là vị lai. Nếu thọ sinh là hiện tại. Nếu thọ đã sinh rồi diệt là quá khứ. Như thọ, cho đến tưởng, hành, thức cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu pháp chưa nhận lấy quả, cho quả là vị lai. Nếu đã nhận lấy quả, cho quả, là hiện tại. Nếu nhận lấy quả, cho quả đã diệt, là quá khứ.

Lại nữa, nếu pháp không nhận, không cho, dựa vào quả báo của quả, là vị lai. Nếu nhận lấy dựa vào quả báo của quả chưa cho là hiện tại. Nếu nhận lấy dựa vào quả báo của quả đã diệt là quá khứ.

Lại nữa, nếu pháp chưa cho nhân tương tự, nhân hiện hữu khắp tất cả là vị lai. Nếu đang cho là hiện tại, nếu đã cho rồi diệt là quá khứ.

Lại nữa, nếu pháp chưa sinh, chưa diệt, là vị lai. Nếu đã sinh chưa diệt là hiện tại. Nếu sinh rồi diệt là quá khứ. Chưa sinh chưa hoại, đã sinh chưa hoại, đã sinh rồi hoại, chưa sinh chưa lìa, đã sinh chưa lìa, đã sinh đã lìa, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu pháp chưa tạo ra ba tướng hữu vi là vị lai. Nếu đã tạo ra một, nay tạo hai là hiện tại. Nếu đã tạo ra ba là quá khứ.

Lại nữa, nếu pháp chưa tạo ra bốn duyên là vị lai, nếu tạo ra bốn duyên là hiện tại, nếu đã tạo ra bốn duyên rồi diệt, là quá khứ.

Lại nữa, nếu pháp làm nhân cho ba đời là quá khứ, nếu làm nhân cho hai đời là hiện tại, nếu làm nhân cho một đời là vị lai.

Lại nữa, nếu pháp là quả của ba đời là vị lai. Nếu là quả của hai đời là hiện tại. Nếu là quả của một đời là quá khứ.

Lại nữa, vì quá khứ, vị lai, nên lập bày hiện tại. Không dùng hiện tại để lập bày hiện tại, vì không có đời thứ tư. Vì quá khứ, hiện tại, nên lập bày vị lai, không dùng vị lai lập bày vị lai, vì không có đời thứ tư. Do vị lai, hiện tại lập bày quá khứ, không do quá khứ lập bày quá khứ,

vì không có đời thứ tư.

Các sở hữu của quá khứ là sở hữu của sắc phải không?

Đáp: Hoặc là sở hữu của quá khứ chẳng phải sở hữu của sắc, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Sở hữu của quá khứ chẳng phải sở hữu của sắc: Bốn ấm của quá khứ là sở hữu của sắc.

2. Chẳng phải là sở hữu của quá khứ: là Sở hữu sắc của vị lai, hiện tại.

3. Sở hữu quá khứ cũng là sở hữu của sắc: là Sở hữu của sắc quá khứ.

4. Chẳng phải là sở hữu của quá khứ, chẳng phải sở hữu của sắc: là Sở hữu của bốn ấm vị lai, hiện tại và sở hữu của vô vi.

Như sắc tạo ra bốn trường hợp, cho đến thức cũng lập ra bốn trường hợp. Như quá khứ tạo ra năm bốn trường hợp, vị lai, hiện tại cũng tạo ra năm, bốn trường hợp, tức là có mười lăm lần bốn trường hợp.

Nếu sở hữu của sắc thì đều là phần sở hữu của các phương phải không?

Đáp: Nếu là phần sở hữu của các phương thì đều là sở hữu của sắc.

Có khi nào sở hữu của sắc chẳng phải phần sở hữu của các phương hay không?

Đáp: Có. Sắc quá khứ, vị lai, vi trần hiện tại, và sắc vô tác.

Nếu là sở hữu của thọ, thì thọ ấy đều chẳng phải phần sở hữu của các phương?

Đáp: Nếu sở hữu của thọ, đều chẳng phải phần sở hữu của các phương.

Có khi nào chẳng phải phần sở hữu của các phương chẳng phải sở hữu của thọ hay không?

Đáp: Có, Sắc quá khứ, vị lai nơi sở hữu của Tưởng, Hành, Thức, vi trần hiện tại, sắc vô tác và sở hữu của pháp vô vi. Như Thọ, Tưởng, Hành, Thức nói cũng giống như thế.

Các sắc sở hữu đều là chương ngại?

Đáp: Nếu chương ngại, thì đều là sắc hiện có.

Có khi nào sắc chẳng phải chương ngại hay không?

Đáp: Có. Sắc quá khứ, vị lai, vi trần hiện tại và sắc vô tác.

Tất cả các thọ đều là giác hay không?

Đáp: Nếu giác thì đều là thọ.

Có khi nào thọ chẳng phải giác hay không?

Đáp: Có. Thọ quá khứ, vị lai.

Như Thọ, Tưởng, Hành, Thức nói cũng giống như thế.

Hỏi: Vì đã sinh mà sinh hay hứa sinh mà sinh? Nếu đã sinh mà sinh, thì sao các hành chẳng phải lại chuyển vận? Nếu chưa sinh mà sinh thì làm sao các hành chẳng phải vốn không mà có?

Đáp: Nên nói rằng: Vì sự, nên đã sinh mà sinh. Vì sự nên chưa sinh mà sinh.

Vì sự nên đã sinh mà sinh: Vì các pháp vốn trụ nơi tự thể tướng, nên sinh.

Vì sự nên chưa sinh mà sinh: Tất cả pháp vị lai, vì là pháp chưa sinh nên sinh.

Hỏi: Là do thế gian sinh hay sinh trong thế gian? Nếu do thế gian sinh, thì làm sao khi không một pháp sinh, mà tất cả pháp đều sinh? Nếu một pháp sinh, mà tất cả pháp đều sinh, thì sẽ hủy hoại thế gian.

Nếu sinh trong thế gian, thì sao chẳng phải hành khác với thế gian?

Đáp: Nên nói rằng: Vì sự nên thế gian sinh, vì sự nên sinh trong thế gian.

Vì sự nên thế gian sinh: Lúc một sát-na sinh, tức là thế gian. Vì sự nên sinh trong thế gian: Một sát-na sinh đời vị lai, còn sát-na khác chưa sinh.

Hỏi: Vì pháp kia sinh, thì pháp kia diệt? Hay vì pháp khác sinh, nên pháp khác diệt?

Nếu pháp kia sinh, tức là pháp kia diệt: Pháp vị lai sinh, tức pháp vị lai diệt? Nếu pháp khác sinh, thì pháp khác diệt, nghĩa là sắc sinh, thọ diệt phải không?

Đáp: Nên nói rằng: Vì sự nên pháp kia sinh, thì pháp kia diệt. Vì sự nên pháp khác sinh, thì pháp khác diệt. Vì sự nên Pháp kia sinh thì pháp kia diệt: Sắc sinh tức sắc diệt, cho đến thức sinh tức thức diệt.

Vì sự nên pháp khác sinh thì pháp khác diệt: nghĩa là thế gian vị lai sinh, thì thế gian hiện tại diệt.

Hỏi: Vì phần mình sinh hay vì phần người khác sinh? Nếu là phần mình sinh, thì sao chẳng phải vốn không có phần mình mà có phần mình, vốn không có vật thể mà có vật thể.

Nếu là phần người khác sinh, thì làm sao pháp không xả tự thể?

Đáp: Nên nói rằng: Không phần mình sinh, cũng không phần người khác sinh. Nhưng như thể của pháp kia, sinh rồi diệt.

Hỏi: Đời vị lai giảm, đời quá khứ tăng. Sao không lập bày hai đời

có thêm bớt?

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì tăng, nên tính xem đời quá khứ, vị lai có thêm bớt hay không? Nếu không thêm, thì tính xem đời quá khứ, vị lai. Vì sao nói đời quá khứ, vị lai có thêm bớt?

Lại nữa, quá khứ, vị lai vô lượng, vô biên, không nói có thêm bớt. Ví như nước biển, mức trăm ngàn bình nước, nước biển cũng không bớt, đổ xuống biển trăm ngàn bình nước, nước cũng không thêm, vì nước biển là vô lượng. Sự thêm bớt của quá khứ, vị lai kia cũng giống như thế.

Lại nữa, pháp vị lai vì chưa sinh, chưa diệt, nên không bớt. Pháp quá khứ sinh rồi diệt, nên không thêm.

Lại nữa, pháp vị lai chưa sinh, không hư hoại nên không bớt, vì pháp quá khứ sinh rồi hoại, nên không thêm.

Lại nữa, pháp vị lai chưa sanh chưa lìa nên không bớt, pháp quá khứ sanh rồi lìa nên không thêm.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Nếu pháp vận hành ở thế gian, sao không nói có thêm bớt? Chỉ vì pháp do nhân duyên hòa hợp nên sinh, nhân duyên lìa tan nên diệt!

Hỏi: Quá khứ, vị lai vì có chứa nhóm như các vật thể: tường, vách, cây, gỗ, núi, gộp đá v.v... ở hiện tại hay vì ly tán ở khắp nơi? Nếu chứa nhóm, thì vì sao việc làm của thí chủ không uổng công, vì sao không có nơi chốn? Vì sao không là thường? Vì sao không hiện thấy? Nếu lìa tan ở khắp nơi thì vì sao nói có quá khứ? Vua tên Thiện Kiến, thành tên Câu-Xa-Bạt-Đề, giảng đường tên Thiện Pháp? Cũng nói có Phật Tỳ-Bà-Thi, cho đến Phật Ca-Diếp? Vì sao nói có vị lai thành tên Kê-đầu, Phật vị lai hiệu là Di-lặc? Vì sao lập bày trí túc mạng quán việc quá khứ? Nguyễn Trí quán việc quá khứ vị lai? Làm sao chẳng phải vốn không nay có, đã có lại không?

Đáp: Nên nói rằng: Hoặc có thuyết nói: Chứa nhóm như các vật tường vách v.v... ở hiện tại.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao các Đàn việt làm các công đức không vô ích?

Đáp: Do người khác thấy. Nếu họ không tu tập thì công đức không hiện bày. Tu thì công đức hiện.

Hỏi: Vì sao không có nơi chốn?

Đáp: Nếu có nơi chốn thì có lỗi gì?

Hỏi: Vì sao chẳng phải thường?

Đáp: Vì có sát-na vô thường.

Vì sao không hiện?

Đáp: Nếu chưa làm cảnh giới cho năm thức thân, thì sẽ không hiện, nếu đã làm thì hiện.

Lời bình: Nên nói rằng: Hiện tại là chứa nhóm. Quá khứ, vị lai, là phân tán ở khắp nơi. Vì sao? Vì ở trong pháp số.

Hỏi: Nếu vậy thì sao nói có quá khứ?

Đáp: Nói quá khứ như vốn vào lúc hiện tại.

Hỏi: Nói có vị lai là thế nào?

Đáp: Như vị lai, thường lúc là hiện tại.

Thế nào là quá khứ nơi cảnh giới của nguyện trí, túc mạng trí?

Đáp: Như vì đối tượng đã từng trải của trí kia. Ví như chữ đã từng trải, theo thứ lớp lập câu, để làm rõ nghĩa.

Cũng thế, trí túc mạng, theo thứ lớp nghĩ đến việc đã từng trải, sinh ra trí kiến.

Vị lai ở cảnh giới của nguyện trí là sao?

Đáp: Vì như tướng so sánh giữa quá khứ, hiện tại, nên biết. Giống như nhà nông, do tướng so sánh nên biết.

Làm sao chẳng phải vốn không, nay có, đã có lại không?

Đáp: Điều này thì không thể hiểu?

Trong Tát-Bà-Đa (Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ) có bốn loại Luận sư:

1. Nói khác về sự.
2. Nói khác về tướng.
3. Nói khác về thời gian.
4. Nói khác về dị biệt.

Nói khác về sự: Là nói về pháp hành thế gian, thời gian, sự khác nhưng thể không khác. Vì như đồ đựng bằng vàng, bạc bị bể rồi, lại chế tạo ra cái khác, dù hình dáng có khác, nhưng về màu sắc thì không khác. Cũng như lúc sữa đã thành lạc, về hương vị dù có khác, nhưng về màu sắc thì không khác.

Cũng thế, pháp vị lai khi đến hiện tại, dù đã bỏ pháp vị lai, nhưng không bỏ tự Thể của chúng. Pháp hiện tại khi đến quá khứ, dù đã bỏ pháp hiện tại, nhưng không bỏ tự thể của chúng.

Nói khác về tướng: Là nói về lúc pháp hành ở thế gian, thời gian. Pháp quá khứ có tướng quá khứ, chẳng phải không có tướng vị lai, hiện tại. Pháp vị lai có tướng vị lai chẳng phải không có tướng quá khứ, hiện tại. Pháp hiện tại có tướng hiện tại, chẳng phải không có tướng của quá khứ, vị lai. Như người yêu sắc đẹp của một cô gái, đối với sắc đẹp của

cô gái khác, chẳng phải không có yêu. Pháp hiện tại kia cũng giống như thế.

Nói thời gian khác: Nghĩa là nói về pháp lúc hành ở thế gian.

Vì khác nhau về thời gian, nên sinh ra tên gọi khác, chẳng phải thế khác. Ví như đếm thẻ: Đầu tiên, bỏ một thẻ xuống, gọi là một, Một chuyển gọi là mười. Lại chuyển gọi là trăm, như thế, đến một ngàn, một vạn. Đếm thẻ là một, vì chuyển chỗ thẻ ấy, nên có nhiều tên. Thời gian khác kia cũng giống như thế. Như vậy, nói về thế gian gọi là không nhiều loạn.

Nói Vì chỗ tạo tác: tức là có ba đời: Nếu pháp chưa có chỗ tạo tác, gọi là vị lai. Đã tạo tác, gọi là hiện tại. Đã tạo tác rồi diệt, gọi là quá khứ.

Nói khác nhau về dị: Là nói về lúc pháp hành ở thế gian. Vì có trước, sau, nên sinh ra tên gọi khác. Giống như một cổ gái vừa gọi là con gái, vừa gọi là mẹ. Vì cô ấy có mẹ, nên gọi là con gái. Vì cô gái ấy có con nên gọi là mẹ.

Cũng vậy, lúc pháp hành ở đời, do trước, sau nên sinh ra khác, chứ chẳng phải thời gian khác, thế khác.

Nói như thế, gọi là nhiều loạn. Vì sao? Vì một đời thì có ba đời. Đời quá khứ có ba đời: Hai sát-na trước sau của quá khứ, được gọi là quá khứ, vị lai. Sát-na trong quá khứ, được gọi là quá khứ hiện tại. Đời vị lai cũng giống như thế.

Hỏi: Những Luận sư nào trong phái Tát-Bà-Đa? Đó là bốn vị Luận sư:

1. Đạt-ma-đa-la (Pháp Cứu).

2. Cù-sa (Diệu Âm).

3. Hòa-tu-mật (Thế Hữu).

4. Phật-đà-đề-bà (Giác Thiên).

Ba pháp là: Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký.

Thế nào là pháp thiện?

Đáp: Năm ấm thiện và số diệt.

Thế nào là pháp bất thiện?

Đáp: Năm ấm bất thiện.

Thế nào là pháp vô ký?

Đáp: Năm ấm vô ký và hư không phi số diệt.

Vì sao nói là thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Nói rộng như trong phẩm Bất Thiện.

Ba pháp: Pháp lệ thuộc cõi Dục, pháp lệ thuộc cõi Sắc pháp lệ

thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là pháp lệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Là năm ấm lệ thuộc cõi Dục.

Pháp lệ thuộc cõi Sắc là thế nào?

Đáp: Năm ấm lệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là pháp lệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Là bốn ấm lệ thuộc cõi Vô sắc.

Vì sao gọi là lệ thuộc cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô sắc?

(Nói rộng như trên).

Ba pháp là: Pháp hữu học, pháp Vô học và pháp phi học phi Vô học.

Pháp Hữu học là thế nào?

Đáp: Học năm ấm.

Pháp Vô học là thế nào?

Đáp: Vô học năm ấm.

Thế nào là pháp phi học phi Vô học?

Đáp: Năm ấm hữu lậu và vô vi.

Vì sao gọi là Hữu học, Vô học, Phi học Phi Vô học?

Đáp: Vì học đạo không tham, dứt tham, nên gọi là Học. Do không học đạo không tham, dứt trừ tham, nên gọi là Vô học. Vì sao? Vì trước đã học, nên trái với học này, gọi là Phi học Phi vô học. Không giận dữ, không ngu si, nói cũng như thế.

Lại nữa, do học đạo không có ái, dứt bỏ ái. Thế của chẳng phải ái là học. Do học đạo không có ái, dứt bỏ ái, tức là ngăn thế của đạo Vô học thế chẳng phải ái, tức là ngăn đạo thế tục. Do không học đạo không có ái dứt bỏ ái, vì trước đã học, thế chẳng phải ái, là Vô học. Do không học đạo không có ái, dứt trừ ái, tức là ngăn thế của đạo, chẳng phải ái, tức là ngăn đạo thế tục. Trái với đạo này là Phi học Phi Vô học.

Lại nữa, Học dứt trừ phiền não, thấy chân đế là Học. Không học dứt trừ phiền não, vì trước đã dứt, nên là bất học, vì thấy chân đế mà trước đã thấy, nên là Vô học. Trái với Học, Vô học này là Phi học Phi vô học.

Lại nữa, học dứt bỏ hai cầu là: Cầu dục và cầu hữu. Học dứt trừ hai cầu. Muốn làm viên mãn một cầu, nghĩa là cầu phạm hạnh, là học. Bất học. Dứt trừ hai cầu, mà trước đã dứt trừ, nên là bất học. Làm viên mãn một cầu mà trước đã viên mãn, nên là Vô học. Trái với Học, Vô học này là phi học phi Vô học.

Lại nữa, nếu trong thân có phiền não đắc, cũng có pháp vô lậu để được. Học dứt trừ phiền não là Học. Nếu trong thân không có phiền não đắc, có pháp vô lậu để được, không học dứt trừ phiền não là Vô học. Trái với Học, Vô học này là Phi học phi Vô học.

Lại nữa, không lia ái, có pháp vô lậu để được. Học dứt trừ ái là học, đã lia ái có pháp vô lậu để được, không học dứt trừ ái là Vô học. Trái với Học, Vô học này, là Phi học phi Vô học.

Lại nữa, thuộc về kiến đạo, tu đạo là học. Thuộc về đạo Vô học là Vô học. Ba địa, ba căn, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu là pháp vô lậu, nếu ở trong thân của năm hạng người để được, là Học. Năm hạng người: Kiên tin, Kiên pháp, Tín giải thoát, Kiến đạo và Thân chứng là học.

Nếu là pháp vô lậu ở trong thân của hai hạng người có thể được là Vô học. Hai hạng người là: Thời giải thoát và Bất thời giải thoát. Trái với các hạng người này là Phi học phi Vô học.

Lại nữa, nếu là pháp vô lậu trong thân của bảy người có thể được là Học. Bảy người là bốn hướng và người trụ nơi ba quả. Nếu pháp vô lậu ở trong thân một người có thể được, là Vô học. Một người, là người trụ ở một quả. Trái với người này là Phi học phi Vô học.

Lại nữa, nếu là pháp vô lậu trong thân mười tám người có thể được là Học. Nếu là pháp vô lậu ở trong thân người Vô học có thể được, là Vô học. Trái với pháp này là Phi học phi Vô học.

Ba pháp là: Pháp do Kiến đạo dứt trừ, pháp do Tu đạo dứt trừ và pháp không có dứt trừ.

Thế nào là pháp do Kiến đạo dứt trừ?

Nếu pháp nơi bậc Kiên tín Kiên pháp, thực hành các nhĩn mà dứt, thì pháp đó là gì?

Đáp: Tám mươi tám sử và pháp tương ứng, là chỗ dứt của kiến đạo. Từ Kiến đạo kia khởi pháp cùng sinh. Đó gọi là pháp do Kiến đạo dứt trừ.

Thế nào là pháp do tu đạo dứt trừ?

Nếu pháp học thấy dấu vết do tu đạo dứt trừ, pháp đó là gì?

Đáp: Mười sử và pháp tương ứng, là chỗ dứt trừ của tu đạo. Từ tu đạo sinh ra pháp cùng sinh của nghiệp thân, miệng và pháp hữu lậu không nhĩm ô. Đó gọi là pháp do tu đạo dứt trừ.

Thế nào là pháp không dứt trừ?

Đáp: Là pháp vô lậu.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp do Kiến đạo dứt, tu đạo dứt và không có

dứt?

Đáp: Nói rộng như trên.

Bốn đế: Khổ đế, Tập đế, đạo đế, diệt đế.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Kinh Phật nói bốn đế: Khổ đế cho đến Đạo đế. Kinh Phật tuy nói bốn đế, nhưng không phân biệt rộng. Kinh Phật là chỗ cội gốc của luận này. Nay vì muốn phân biệt rộng, nên soạn luận này.

Hỏi: Thể tánh của đế là gì?

Đáp: Phái A-tỳ-đàm đã nói rằng: Năm thủ ấm là Khổ đế, nhân hữu lậu là Tập đế, Số diệt là Diệt đế, pháp Học, Vô học là Đạo đế.

Phái Thí dụ nói rằng: Danh sắc là Khổ đế, nghiệp phiền não là Tập đế, dứt hết phiền não là Diệt đế, định tuệ là Đạo đế.

Tỳ-bà Xà-bà-đề (Luận sư Phân biệt) nói rằng: Tướng của tám khổ là khổ, là Khổ đế. Pháp hữu lậu khác là khổ, chẳng phải khổ đế, sinh ra ái của hữu sau là Tập, là Tập đế. Ái khác, pháp hữu lậu khác là Tập, chẳng phải Tập đế, sinh Ái của Hữu sau, đều là diệt, là diệt đế. ái khác, pháp hữu lậu khác, đều là diệt, chẳng phải Diệt đế, học tám đạo chi là Đạo, là Đạo đế. Pháp học khác, tất cả pháp Vô học là Đạo, chẳng phải Đạo đế.

Nếu như đã nói, thì A-la-hán thành tựu hai đế: Khổ đế và diệt đế, không thành tựu Tập đế. Vì sao? Vì sinh ra Ái của Hữu sau là Tập đế. A-la-hán sinh ra ái của hữu sau đã dứt nên không thành tựu Đạo đế. Vì sao? Vì thuyết kia nói Học tám chi đạo là Đạo đế, tức lúc A-la-hán đắc quả đã xả.

Tôn giả Cù-sa nói: Hoặc ấm của thân mình, hoặc là ấm của thân người, hoặc là số chúng sinh, hoặc là số phi chúng sinh, như thế đều là Khổ, là Khổ đế. Lúc hành giả thấy khổ, tự thấy thân khổ, chẳng phải thân người khác khổ, chẳng phải số phi chúng sinh. Vì sao? Nghĩa ép ngặt là nghĩa khổ. Khổ của thân người khác chẳng phải số chúng sinh, vì không ép ngặt. Do việc ấy nên Luận Sinh Trí nói lời: Nỗi khổ ép ngặt trong thân mình, chẳng phải khổ trong thân người khác, chẳng phải không nhân nơi tự thân, tha thân, sau đó mới ép ngặt. Nếu không có khổ của thân mình, thì khổ nơi thân người khác và của phi số chúng sinh, đâu có ép ngặt? Nếu nhân của khổ trong tự thân, nhân của khổ nơi phi số chúng sinh, số chúng sinh, trong thân người khác, là Tập, là Tập đế. Lúc hành giả thấy tập, thấy nhân khổ của thân mình, không thấy nhân khổ của thân người khác, không thấy nhân khổ của phi số chúng sinh.

Nếu khổ trong thân mình hết, hoặc khổ trong thân người khác hết, khổ của số chúng sinh, phi số chúng sinh đều dứt hết là Diệt, là Diệt đế. Khi hành giả thấy diệt, thấy diệt trong thân mình, chẳng phải diệt của thân người khác, chẳng phải diệt nơi phi số chúng sinh. Nếu tự thân đối trị, hoặc thân người khác, hoặc số chúng sinh, số phi chúng sinh đối trị là Đạo, là Đạo đế. Khi hành giả thấy đạo, là thấy đạo đối trị của thân mình, chẳng phải đạo đối trị nơi thân người khác, chẳng phải đạo đối trị của phi số chúng sinh.

Người A-tỳ-đàm nói rằng: Nếu khổ của thân mình, hoặc khổ của thân người khác, hoặc khổ của số chúng sinh, số phi chúng sinh, lúc hành giả thấy khổ, đều thấy khổ như thế.

Hỏi: Lúc hành giả thấy khổ, thấy khổ ép ngặt, khổ trong thân người khác, khổ chẳng phải ép ngặt của số phi chúng sinh, lúc hành giả thấy khổ, vì sao thấy?

Đáp: Khổ kia dù chẳng phải ép ngặt, mà là chỗ ngu tối đáng lẽ sinh ra trí. Cũng là chỗ do dự, lẽ ra sinh quyết định. Là chỗ chê bai, lẽ ra sinh kính tin. Ai nói như thế? Khổ trong thân người khác, khổ của phi số chúng sinh, chẳng phải ép ngặt hay sao? Nếu bị người khác đánh, chẳng phải ép ngặt hay sao? Nếu gõ, đá trên hư không rớt trên thân người, chẳng phải ép ngặt hay sao? Nếu nhân của ấm nơi thân mình, nhân của ấm nơi thân người khác, hoặc nhân của ấm nơi số phi chúng sinh, đều là Tập, là Tập đế.

Lúc hành giả thấy Tập, đều thấy là tập.

Nếu khổ của thân mình hết, hoặc khổ của thân người khác hết, khổ của số chúng sinh, số phi chúng sinh hết là Diệt, là Diệt đế.

Khi hành giả thấy diệt, đều thấy là Diệt.

Nếu đối trị của ấm ở thân mình, hoặc ở thân người. Nếu đối trị của ấm nơi số chúng sinh, số phi chúng sinh hết là Đạo, là Đạo đế.

Lúc hành giả thấy đạo, đều thấy là đạo. Đây là thể tánh của đế. (cho đến nói rộng).

Đã nói về thể tánh của đế. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là đế? Đế là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa thật là nghĩa đế. Nghĩa xét kỹ, nghĩa như, nghĩa không điên đảo, nghĩa không khác, là nghĩa đế.

Hỏi: Nếu nghĩa thật, nghĩa xét kỹ, nghĩa như, nghĩa không điên đảo, nghĩa không khác là nghĩa đế: thì Hư không phi số diệt cũng là nghĩa thật, cho đến nghĩa không khác, thì vì sao không lập là đế?

Đáp: Nếu pháp là khổ, là nhân của khổ, là khổ dứt hết, là đối trị

của khổ, thì lập đế. Hư không phi số diệt vì chẳng phải khổ, chẳng phải nhân của khổ, chẳng phải khổ dứt hết, chẳng phải đối trị khổ, cho nên không lập đế. Như ấm khổ, ung nhọt, mũi tên, lỗi lầm, gánh nặng, nói cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu pháp như bờ bên này, bờ bên kia, con sông, chiếc bè, thì lập là đế. Vì hư không phi số diệt, chẳng phải bờ bên này, bờ bên kia, con sông, chiếc bè, nên không lập đế.

Lại nữa, nếu pháp là khổ, là nhân của khổ, là đạo, là quả của đạo thì lập đế. Hư không phi số diệt vì trái với trên, nên không lập đế.

Lại nữa, nếu pháp có nhân, có quả nên lập đế. Hư không phi số diệt, vì không có nhân, quả, nên không lập đế.

Lại nữa, hư không phi số diệt, vì vô lậu nên chẳng phải khổ đế, Tập đế, vì vô ký nên chẳng phải Diệt đế, vì vô vi, nên chẳng phải đạo đế.

Lại nữa, vì pháp này không vận hành ở đời, nên không lập ba đế. Vì vô ký nên không lập diệt đế.

Lại nữa, pháp này vì chẳng phải ấm, nên không lập ba đế. Vì chẳng phải thiện, nên không lập diệt đế.

Lại nữa, pháp này vì không theo khổ, nên không lập ba đế. Vì chẳng phải thiện, nên không lập diệt đế.

Lại nữa, nếu pháp là chỗ duyên của tà kiến, chánh kiến vô lậu, nên lập đế. Vì pháp này chẳng phải sở duyên của tà kiến, vô lậu, chánh kiến, nên không lập đế.

Lại nữa, nếu pháp là chỗ duyên của vô minh, minh, nên lập đế. Vì pháp này không làm chỗ duyên của vô minh, minh, nên không lập đế.

Lại nữa, nếu thể của pháp là xuất ly của phiền não, nên lập đế. Pháp này chẳng phải xuất ly phiền não, nên không lập đế.

Lại nữa, nếu pháp có thể sinh chán lìa, tùy hỷ, thì lập đế. Vì pháp này không thể sinh chán lìa, tùy hỷ, nên không lập đế.

Hỏi: Nếu nghĩa không điên đảo là nghĩa đế, thì sự điên đảo không thuộc về đế. Vì sao? Vì thể là điên đảo chẳng?

Đáp: Vì sự khác, nên lập điên đảo. Vì sự khác, nên huộc về đế. Vì ba việc nên lập điên đảo:

1. Vì chuyển hành, do bén nhạy.
2. Vì luống dối.
3. Hoàn toàn là điên đảo.

Vì pháp này thật sự có thể tánh, nên thuộc về đế.

Lại nữa, vô thường chấp là thường, không vui, chấp là vui, bất tịnh

chấp tịnh, vô ngã chấp là ngã, nên là điên đảo. Vì pháp này có nhân, có quả, nên thuộc về đế.

Hỏi: Nếu nghĩa không khác là nghĩa đế, thì nói dối không nên thuộc về đế. Vì sao? Vì nói dối là muốn lừa dối người khác, bịa ra lời nói khác?

Đáp: Vì việc khác, nên lập nói dối. Do sự khác, nên thuộc về đế. Vì lời nói khác lạ, lừa dối người khác, nên lập là nói dối. Vì có thể tánh thật, nên thuộc về đế.

Lại nữa, vì không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không biết nói biết, không nhận thức, nói nhận thức, nên lập là nói dối. Pháp này có nhân, có quả, nên thuộc về đế. Cho nên nghĩa thật là nghĩa đế, cho đến nói rộng.

Thế nào là lập bốn đế? Là do thể tánh, vì nhân quả, vì lúc thấy? Nếu do thể tánh thì có ba đế. Vì sao? Vì là khổ không có tập, là tập không có khổ. Diệt là đế thứ hai, đạo là đế thứ ba. Nếu do nhân quả thì lẽ ra có năm đế. Khổ cũng có thể nói nhân, cũng có thể nói quả. Đạo cũng có thể nói nhân, cũng có thể nói quả. Diệt là thứ năm. Nếu do lúc thấy, thì lẽ ra có tám đế. Hành giả trước thấy khổ ở cõi Dục, sau thấy khổ ở cõi Sắc, cõi Vô sắc. Trước thấy nhân duyên của các hành cõi Dục, sau thấy ở cõi Sắc, cõi Vô sắc. Trước thấy đạo đối trị các hành cõi Dục, sau thấy ở cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói rằng: Vì nhân quả nên lập đế.

Hỏi: Nếu vậy thì lẽ ra phải có năm đế?

Đáp: Vì nói chung, nên không có đạo năm đế. Hoặc nhân, hoặc quả, gọi là chung là khổ, diệt, đạo, gọi chung là đạo dứt hết sinh, già, bệnh, chết.

Hỏi: Khổ, hoặc là nhân, hoặc là quả, cũng là đạo Khổ, tập, cũng là đạo sinh, già, bệnh, chết?

Đáp: Vì việc làm khác, nên khổ có nghĩa quả: Vận hành bốn hành, nghĩa là khổ, không, vô thường, vô ngã. Khổ có nghĩa nhân: Vận hành bốn hành. Nghĩa là Tập nhân có duyên. Đạo cũng có nghĩa nhân, cũng có nghĩa quả, đều chuyển vận một thứ bốn hành. Nghĩa là đạo như dầu xe.

Lại nữa, vì ba việc, nên lập bốn đế:

1. Do thể tánh.
2. Do nhân quả.
3. Do phỉ báng, sinh tin.

Do thể tánh: Thể tánh của bốn đế, là hữu lậu, vô lậu.

Do nhân quả: Thể tánh của hữu lậu có nhân, có quả. Có quả: Là khổ đế. Có nhân: Là tập đế. Thể tánh của vô lậu cũng có nhân, có quả, cũng có quả, không có nhân. Có nhân, có quả: Là Đạo đế. Có quả không có nhân: Là Diệt đế.

Hỏi: Vì sao thể tánh của hữu lậu, có quả thì lập một đế? Có nhân thì lập một đế. Thể tánh của vô lậu có nhân, có quả cũng lập một đế?

Đáp: Vì chê bai, sinh tin, nên thể tánh của hữu lậu sinh hai thứ phỉ báng nói là không có khổ, không có tập. Sinh hai thứ tin, nói là có Khổ tập, đạo. Nếu nhân, hoặc quả sinh một thứ phỉ báng, nói không có đạo, sinh một thứ Tin nói có Đạo. Do ba việc ấy nên lập bốn đế.

Lại nữa, vì lúc thấy đế, nên lập bốn chân đế.

Hỏi: Nếu vậy thì lẽ ra phải có tám đế?

Đáp: Nếu khổ ở cõi Dục, hoặc khổ ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, lúc thấy khổ v.v..., đều là bốn hành như hành khổ v.v... Nếu nhân hành ở cõi Dục, nhân hành cõi Sắc, cõi Vô sắc, khi thấy tập thì đều nêu chung là bốn hành như tập v.v... Nếu hành cõi Dục nhân, hành ở cõi Sắc, cõi Vô sắc diệt, lúc thấy diệt, thì đều là bốn hành như diệt v.v... Nếu đối trị của hành ở cõi Dục, đối trị của ở hành cõi Sắc Vô sắc khi thấy Đạo đều là nói chung bốn hành như hành Đạo, v.v... Cho nên lúc thấy đế vì đều là hành, nên chỉ có bốn đế, không có tám đế.

Hỏi: Khổ, tập, diệt, đạo có tướng gì?

Tôn giả Ba-xa nói: Tướng ép ngặt là tướng khổ, tướng có là tướng của tập, tướng vắng lặng là tướng diệt. Tướng vận hành là tướng Đạo.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Tướng chuyển biến là tướng Khổ. Tướng năng chuyển là tướng Tập. Tướng dừng dứt là tướng diệt. Tướng trụ chuyển là tướng Đạo.

Lại nữa, chuyển nơi thân hữu là tướng khổ. Năng chuyển thân hữu là tướng tập. Chuyển thân hữu hết là tướng Diệt. Trụ chuyển thân hữu là tướng Đạo.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Thể vật tạo ra Đế, gọi là thể của năm thủ ấm. Như sắt nóng do hợp chung lâu với lửa nên cùng màu với lửa. Ba khổ hợp với năm thủ ấm, cũng giống như thế. Khổ của khổ đế ấy, từ phiền não sinh ra nghiệp, có thể xoay lại là tập đế. Nghiệp phiền não hủy hoại, lại không thọ hữu, là Diệt đế. Tu giới, tu định, dùng tuệ quán sát sự sinh, diệt, dứt trừ nhân của hữu là Đạo đế. Kinh Phật có kệ:

*Một đế không có hai
Chúng sinh nghi ở đây
Các thứ nói các đế*

Không nói có Sa-môn.

Hỏi: Có bốn đế. Vì sao nói một đế?

Tôn giả Ba-xa nói: Một đế, là nói về khổ đế, không có khổ đế thứ hai, Một tập đế không có tập đế thứ hai, Một diệt đế không có diệt đế thứ hai, một đạo đế không có đạo đế thứ hai.

Lại nữa, một đế là nói về diệt đế. Vì đối với các thứ giải thoát, ngoại đạo chấp các thứ giải thoát: Giải thoát không có thân, giải thoát vô biên ý, giải thoát của nhóm tịnh, giải thoát của thế tục.

Giải thoát không có thân là Không xứ, giải thoát vô biên ý là Thức xứ, giải thoát của nhóm tịnh là Vô sở hữu xứ, giải thoát của thế tục là Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Phật nói rằng: Đây là chỗ thọ thân, chẳng phải giải thoát. Chân giải thoát, nghĩa là chỉ một Niết-bàn diệt tận.

Lại nữa, một đế, nghĩa là Đạo đế. Vì đối với các thứ đạo, nên ngoại đạo chấp nhiều thứ đạo. Đó là đạo không ăn, đạo nằm trên tro, đạo thờ mặt trời, mặt trăng, đạo ăn gió, ăn quả, đạo lỏa hình, đạo nằm trên chông gai, đạo mặc áo cũ rách.

Đức Phật nói rằng: Đây chẳng phải đạo. Đây là tà đạo, chẳng phải đạo, mà người thiện nương dựa. Đạo chân thật tức là tám Thánh đạo.

Lại nữa, một đế, nghĩa là Diệt đế, vì có thể dứt hết khổ của thân. Một đế là: Đạo đế, vì có thể diệt hết các khổ đường ác.

Kinh Phật nói hai đế: Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Thế đế là sao? Đệ nhất nghĩa đế là sao?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hai đế là Thế đế, nghĩa là Khổ đế, Tập đế. Vì sao? Vì pháp thế gian ở trong hai đế này. Như nam nữ đi đến chỗ hiện tại để làm việc, đều ở trong đó. Hai đế là đệ nhất nghĩa đế, đó là Diệt đế, đạo đế.

Lại có thuyết nói: Ba đế là Thế đế, nghĩa là Kho đế, tập đế và diệt đế. Vì sao? Vì Phật nói Diệt đế giả gọi là ngôi thành của bờ bên kia. Một đế là Đệ nhất nghĩa đế, đó là Đạo đế.

Lại có thuyết nói: Đạo đế cũng là Thế đế. Vì sao? Vì Phật nói Đạo đế cũng là giả danh, như Sa-môn, Bà-la-môn.

Lời bình: Nên nói rằng: Bốn đế vừa là Thế đế, vừa là Đệ nhất nghĩa đế. Khổ đế, tập đế là Thế đế: như trước đã nói. Đệ nhất nghĩa đế: Như khổ, không, vô thường, vô ngã, nhân tập có duyên. Diệt đế nói là Thế đế: Phật nói Diệt đế như ngôi thành, như khu vườn. Đệ nhất nghĩa đế nghĩa là hết, dừng, diệu, lìa. Đạo đế là Thế đế: Phật nói Đạo đế như chiếc bè, như đá, như núi, như hoa, như nước, như thêm thang, như lầu

gác. Đệ nhất nghĩa đế: Đạo như vết bánh xe.

Nếu nói rằng: Bốn đế đều là Thế đế, đều là Đệ nhất nghĩa đế: Tức là tất cả các pháp đều có thế đế, Đệ nhất nghĩa đế. Thế đế gồm nhiếp mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm. Đệ nhất nghĩa đế cũng gồm nhiếp mười tám giới, mười hai nhập năm ấm.

Hỏi: Trong Thế đế có Đệ nhất nghĩa đế hay không? Nếu có Đệ nhất nghĩa đế, thì chính là Đệ nhất nghĩa đế, không có Thế đế. Nếu không có thì cũng là một đế, nghĩa là Đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Nên nói rằng: Trong Thế đế có Đệ nhất nghĩa đế. Nếu trong Thế đế không có Đệ nhất nghĩa đế, thì Như lai nói hai đế, tức là không đúng như thật, do Như lai đã nói hai đế là như thật, nên trong Thế đế, lẽ ra có Đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Nếu vậy thì có một đế, nghĩa là Đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Đúng thế! Chỉ có một đế đó là Đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao Phật nói hai đế?

Đáp: Vì sự, không do phần thể. Về Thế chỉ có một đế, là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sự nên có khác nhau. Nếu do sự nên gọi là Thế đế, tức không do sự này, gọi là đệ nhất nghĩa đế. Nếu do sự nên gọi là Đệ nhất nghĩa đế, tức không do sự này nên gọi là Thế đế. Giống như một thọ có tánh của bốn duyên, đó là Duyên nhân, Thứ đệ, Cảnh giới, Oai thể.

Nếu do sự, thì gọi là nhân duyên. Vì không do sự này, cho đến gọi là duyên oai thể. Nếu Vì sự, nên gọi là duyên oai thể, không do sự này cho đến gọi là nhân duyên.

Lại một thọ có tánh của sáu nhân: Nhân tương ứng, nhân cộng sinh, nhân tương tự, nhân nhất thiết biến, nhân báo và nhân sở tác.

Nếu sự, gọi là nhân tương ứng, không do sự này, cho đến gọi là nhân sở tác. Nếu sự nên gọi là nhân sở tác, không do sự này, cho đến gọi là nhân tương ứng, Thọ kia cũng giống như thế.

Hỏi: Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế là có thể được lập bày ra thể riêng hay không? Hay kết hợp xen lẫn?

Đáp: Có thể được.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: gọi là Thế đế, gọi là nghĩa được hiển bày, là Đệ nhất nghĩa đế.

Lại nữa, thuận theo thế gian nói mà gọi là Thế đế. Thuận theo Hiền, Thánh nói gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Nếu nói về chúng sinh như lời nói tương ứng với ý nghĩa, đó gọi là Thế đế. Nếu nói về pháp Duyên khởi v.v... như lời nói tương ứng với ý nghĩ, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Tôn giả Đà-La-Đạt-Đa nói: Thế tướng của Thế đế, đó gọi là phần ít của Khổ đế Tập đế.

Kinh Phật nói: Bà-la-môn, Phạm chí có ba đế là đế của Bà-la-môn, Phạm chí. Thế nào là ba? Bà-la-môn, Phạm chí nói rằng: Không nên hại chúng sinh. Nói như thế, lời nói này là thật, đó gọi là đế thứ nhất của Bà-la-môn, Phạm chí.

Lại nói rằng: Ta chẳng phải sở hữu của người kia. Người kia cũng chẳng phải sở hữu của ta. Nói như thế, lời nói này là thật, đó gọi là đế thứ hai của Bà-la-môn, Phạm chí.

Lại nói rằng: Tất cả pháp tập đều là pháp Diệt. Nói như thế, lời nói này là thật, đó gọi là đế thứ ba của Bà-la-môn, Phạm chí.

Hỏi: Ở đây, thế nào là Bà-la-môn? Thế nào là Đế?

Đáp: Ngoại đạo trong pháp Phật là Bà-la-môn, hướng về ba đế đã nói, đó gọi là đế, ngoài ra, đều chẳng phải đế.

Không hại chúng sinh, nghĩa là không giết tất cả chúng sinh. Ta chẳng phải sở hữu của người kia. Người kia cũng chẳng phải sở hữu của ta: Tức Ta không thuộc về người kia, người kia cũng không thuộc về ta. Tất cả pháp tập đều là pháp diệt: Tất cả pháp sinh đều sẽ trở về diệt.

Lại có thuyết nói: Trong pháp Phật này, gọi là Đế của Bà-la-môn, nghĩa là hướng về ba đế đã nói. Phật vì đối với ngoại đạo nên nói kinh này. Ngoại đạo tự nói là Bà-la-môn, mà ép ngặt kẻ khác. Vì sao? Vì cúng tế nên sát hại bò, dê, trâu và các loài chúng sinh khác. Đức Phật đã nói rằng: Nếu gây ép ngặt cho chúng sinh, thì không được gọi là Bà-la-môn. Bà-la-môn thật nghĩa, là không nào hại tất cả chúng sinh. Ngoại đạo tự nói là: Bà-la-môn, vì sắc đẹp của Thiên nữ nên tu phạm hạnh.

Đức Phật nói rằng: Bà-la-môn không nên vì sắc đẹp của Thiên nữ mà tu phạm hạnh. Bà-la-môn thật nghĩa không vì nữ sắc, không vì nhà ở, không bị đấm nhấm.

Ngoại đạo tự nói: Là Bà-la-môn mà tham đắm kiến chấp, dứt thường. Phật nói rằng: Bà-la-môn không nên tham đắm đoạn, thường. Nếu biết pháp tập tức là pháp diệt, là Bà-la-môn thật nghĩa.

Lại nữa, kinh này nói: Phương tiện Ba môn giải thoát: không hại tất cả chúng sinh, là nói về phương tiện của môn Không giải thoát. Ta chẳng phải sở hữu của người kia, người kia cũng chẳng phải sở hữu của ta, là nói về phương tiện của môn Giải thoát vô tác. Tất cả pháp tập đều là pháp diệt, là nói về phương tiện của môn giải thoát vô tướng.

Như Ba môn Giải thoát, ba tam-muội, ba thứ thân, ba Học, ba Tu,

ba tịnh, nói cũng giống như thế.

Kinh Phật nói: Tỳ-kheo nên biết! Quán sát bốn phương là bốn đế.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn nói phương, gọi là đế?

Đáp: Vì giáo hóa. Người được Phật hóa độ, nên nghe đế, dùng phương tiện để giảng nói, sau đó mới tỏ ngộ, hiểu biết. Như trong kinh khác nói: Phật vì người thọ nhận sự hóa độ, nói môn Giải thoát, gọi là phương. Người được Phật hóa độ nên nghe môn giải thoát, dùng phương gọi là nói. Đức Phật đã dùng phương để gọi là nói về môn giải thoát. Sự hóa độ kia cũng giống như thế.

Hỏi: Bốn đế, bốn phương có gì giống nhau?

Đáp: Đều là pháp. Phương cũng có bốn. Đế cũng có bốn.

Hỏi: Phương nào giống với đế nào?

Đáp: Phương Đông, nên biết như khổ đế. Phương Tây như tập đế. Như người tu hành khi thấy đế, trước thấy khổ đế sau thấy tập đế.

Lại có thuyết nói: Phương Đông là Tập đế, phương Tây là Khổ đế, là pháp nhân quả, vì nhân trước quả sau. Phương nam như Đạo đế. Vì sao? Vì Đạo đế là ruộng phước. Phương bắc như Diệt đế, vì diệt đế không có trên.

Kinh Phật nói: Tuệ căn, nên biết là ở trong bốn đế.

Hỏi: Vì gồm nhiếp, nên nói ở trong, hay Vì duyên, nên nói ở trong? Nếu do gồm nhiếp, nên nói ở trong, thì tuệ căn không gồm nhiếp bốn đế, bốn đế không gồm nhiếp tuệ căn. Nếu do duyên nên nói ở trong, thì tuệ có thể duyên với tất cả pháp?

Đáp: Nên nói như thế: Không do gồm nhiếp, cũng không do duyên, nên nói ở trong. Vì khi tuệ căn phân biệt đế, thế dụng vượt hơn hết, nên nói là ở trong. Như tín căn đối với bốn thứ không hư hoại, do thế dụng của tín vượt hơn.

Đức Phật nói rằng: Phải biết tin căn ở trong bốn thứ không hoại. Như Tinh tiến căn ở trong bốn chánh dứt. Thế dụng vượt hơn. Nên Phật nêu rằng: Tinh tiến căn nên biết ở trong bốn chánh dứt. Niệm căn ở trong bốn niệm xứ, vì có thế dụng vượt hơn, nên Phật nói lời ấy Niệm căn nên biết ở trong bốn niệm xứ. Vì Định căn có thế dụng vượt hơn ở trong bốn Thiền, nên Phật đã nói rằng: Nên biết Định căn ở trong bốn Thiền.

Lại có thuyết nói: Vì duyên nên nói như thế:

Hỏi Nếu vậy, thì tuệ sẽ duyên theo tất cả pháp phải không?

Đáp: Trong đây, nói duyên theo tuệ hữu lậu, vô lậu. Duyên nơi

tuệ của hư không phi số diệt, vì hoàn toàn hữu lậu, nên nói là duyên.

Tôn giả Xá-lợi-phất, nói rằng: Các Trưởng già phải biết! Tất cả pháp thiện, đều từ bốn đế sinh, thuộc về bốn đế, ở trong bốn đế.

Hỏi: Như ba đế là hữu vi, có công năng sinh ra pháp thiện, có thể như thế. Còn diệt đế là vô vi, làm sao có thể sinh ra pháp thiện?

Đáp: Mặc dù diệt đế không thể sinh ra pháp thiện, nhưng vẫn gồm nhiếp các pháp thiện.

Lại nữa, sinh có hai thứ:

1. Có pháp thiện.

2. Sinh pháp thiện.

Mặc dù diệt đế bất sinh pháp thiện, mà là có pháp thiện.

Lại nữa, trong đây nói được sinh, là diệt đế dù bất sinh pháp thiện, nhưng diệt đế vẫn được pháp thiện sinh.

Tôn giả Ba-xa nói: Trong đây nói Nhẫn và biết duyên ở trong duyên. Nhẫn khổ, Khổ trí, đều thuộc về Đạo đế. Duyên ở Khổ đế. Nhẫn Tập, Tập trí là thuộc về đạo đế, duyên tại Tập đế. Nhẫn diệt, diệt trí thuộc về đạo đế, duyên tại diệt đế. Nhẫn đạo, đạo trí, thuộc về đạo đế, duyên ở đạo đế.

Kinh Phật nói: Như lai Đẳng chánh giác tùy căn tánh mà nói pháp, đều vì cứu độ chúng sinh, khiến cho được đến chỗ vượt hơn. Cũng vì họ mà phân biệt, làm sáng tỏ, giải thích về bốn pháp Thánh đế. Bốn Thánh đế đó là: Khổ Thánh đế, khổ Tập Thánh đế, khổ Diệt Thánh đế, khổ diệt Đạo Thánh đế.

Hỏi: Vì sao nói cứu độ?

Đáp: Tự cứu độ, vì chẳng phải do người khác tu đạo, nên gọi là cứu độ.

Làm sao biết được?

Đáp: Kinh nói: Có Bà-la-môn tên là Độ-Đắc-Ca, đến chỗ Phật, nói kệ:

Nay thấy Bà-la-môn

Hiện hành ở nhân gian

Nay tôi lẽ biến Nhãn

Nguyện thoát khỏi nghi này.

Hỏi: Kệ này nói lên việc gì?

Đáp: Bà-la-môn kia, tánh tình lười biếng, muốn cho người khác tu đạo, dứt trừ phiền não, cho nên hướng về Phật, nói lời êm ái: Ngài thật là trời nhưng sinh ở nhân gian cúi xin thương xót, Ngài vì con mà tu Thánh đạo, dứt trừ phiền não cho con. Đức Phật liền nói kệ rằng:

*Ta không sức tự tại
Dứt được nghi của ông
Khi ông thấy pháp hơn
Là được qua biển cả.*

Đức Phật nói rằng: Bà-la-môn nên biết! Có người khác tu đạo, tự dứt trừ phiền não. Nếu người khác tu đạo, mà mình tự dứt trừ phiền não, thì lúc đầu, ta tu đạo ở dưới cội Bồ-đề, phiền não của tất cả chúng sinh lẽ ra phải dứt. Vì sao? Vì ta có tâm đại bi, đến khắp tất cả chúng sinh, nếu người khác tu đạo, mà mình dứt trừ phiền não, thì không có việc ấy. Nếu tự tu đạo, tự dứt trừ phiền não, thì có thể có việc ấy. Giống như người khác uống thuốc, mà bệnh mình tự khỏi, thì không có việc ấy. Nếu tự uống thuốc, sẽ tự lành bệnh, điều này hợp lý.

Cho nên tự cứu độ, gọi là cứu độ, không do người khác tu đạo, mà được cứu độ.

Lại nữa, nói cứu độ, như núi cao, hang, hiểm, là nơi đáng sợ hãi. Pháp của phàm phu cũng giống như thế. Trên mặt đất bằng, không có nơi nào đáng sợ. Thánh pháp cũng giống như thế, có thể cứu độ các phàm phu từ chỗ núi cao, hang sâu, là những nơi đáng sợ, đặt họ trên đất bằng của Thánh pháp, chỗ không có gì phải sợ, nên nói là cứu độ.

Lại nữa, vì cùng vào trong chánh pháp, nên nói là cứu độ. Cùng là pháp Thế đệ nhất. Vào trong chánh pháp là khổ pháp nhãn.

Hỏi: Vì sao nói đế, gọi là cứu độ, còn nói ấm, giới, nhập thì không gọi là cứu độ?

Đáp: Vì lúc quán đế, được chánh quyết định, có thể được quả, lìa dục, dứt hết lậu.

Lại nữa, nói đế là nói vượt hơn, cũng vì người được sự hóa độ vượt hơn, nên nói, do gần pháp sinh, thân gần được đế nên nói. Giới là vì người mới thực hành mà nói. Nhập là vì người đã hành mà nói. Ấm là vì người đã thực hành lâu mà nói.

Hỏi: Nói Thánh đế, là do Thánh thiện, nên nói là Thánh. Là do Thánh vô lậu, nên nói là Thánh hay do Thánh, nhân đã thành tựu nên nói là Thánh?

Nếu do Thánh thiện mà nói là Thánh đế thì có hai đế là thiện là Diệt và đạo. Lại có hai thứ, là Khổ và tập. Nếu do lời Thánh vô lậu mà gọi là Thánh đế, thì hai đế là Hữu lậu, hai đế là vô lậu. Nếu do bậc Thánh đã thành tựu mà nói là Thánh đế, thì chẳng phải Thánh cũng thành tựu. Như nói: Ai là người đã thành tựu khổ đế, tập đế?

Đáp: Tất cả chúng sinh. Nên nói rằng: Vì bậc Thánh thành tựu,

nên nói là Thánh.

Hỏi: Nếu vậy thì chẳng phải Thánh cũng thành tựu đế?

Đáp: Nói thành tựu, là thành tựu bốn đế. Mặc dù phàm phu đã thành tựu đế, nhưng không đủ bốn đế.

Hỏi: bậc Thánh cũng có người không thành tựu đủ bốn đế. Như người bị ràng buộc đủ, lúc nhập kiến đạo, khổ pháp nhãn hiện ở trước phải không?

Đáp: Vì ít thời gian, nên khi khổ pháp trí sinh, thì thành tựu đủ bốn.

Lại nữa, trong bậc Thánh có người thành tựu đủ bốn đế. Trong phàm phu, cho đến không có một người nào thành tựu đủ bốn đế.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Khi Phật còn ở đời, phàm phu, bậc Thánh, cùng biện luận về việc này. Người phàm phu nói như vậy: Các hành là thường, lạc ngã tịnh. Còn bậc Thánh nói vậy: Các hành là vô thường, khổ, không, vô ngã. Người phàm phu nói: Lời tôi nói là thật. bậc Thánh cũng nói: Lời ta nói là thật. Do việc ấy, nên cùng nhau đến chỗ Phật. Phật nói rằng: Lời bậc Thánh nói là thật. Vì sao? Vì Thánh đế là pháp mà bậc Thánh đã thấy biết, cho nên gọi là Thánh đế.

Lại nữa, nếu trong thân có pháp ấn của bậc Thánh, thì tất cả đế của bậc Thánh, được gọi là Thánh đế.

Lại nữa, nếu được gọi là giới bậc Thánh, thì gọi là bậc Thánh. Đế của bậc Thánh kia, gọi là Thánh đế.

Lại nữa, nếu được tuệ bậc Thánh thì gọi là bậc Thánh. Đế của bậc Thánh kia, gọi là Thánh đế.

Lại nữa, nếu được tuệ của bậc Thánh thì gọi là bậc Thánh, tất cả đế của bậc Thánh gọi là Thánh đế.

Lại nữa, nếu đạt được Xa-ma-tha (chỉ), Tỳ-bà-xá-na (Quán) của bậc Thánh, thì gọi là bậc Thánh (Nói rộng như trên).

Lại nữa, nếu được Thánh tài (tài sản của bậc Thánh) thì gọi là bậc Thánh (Nói rộng như trên).

Lại nữa, nếu được Thánh giác chi thì gọi là bậc Thánh. (Nói rộng như trên).

Lại nữa, nếu đạt được Thánh thai thì gọi là bậc Thánh (Nói rộng như trên).

Thế nào là Khổ Thánh đế?

Kinh Phật nói: Khổ sinh. Khổ già, khổ. Bệnh khổ chết, Khổ vì không ưa thích mà gặp. Khổ vì yêu mà phải chia lìa. Khổ vì mong cầu mà không được.

Nói tóm lược thì, năm thủ ấm là khổ. Vì tướng sinh, cho nên là khổ sinh. Vì tướng trụ đối khác, nên là khổ già. Vì tướng ép ngặt, nên là khổ bệnh. Vì tướng tận diệt, nên là khổ chết. Vì tướng không ưa mà, gặp nên là khổ không ưa mà phải gặp gỡ. Vì tướng chia lìa nên là khổ ái biệt ly. Vì không được tự tại, nên là khổ của cầu mong không được.

Các khổ như thế, v.v... đều thuộc về năm thủ ấm hữu lậu. Cho nên, nói lược, năm thủ ấm là khổ.

Lại nữa, sinh là tất cả khổ, là chỗ đứng, là nhân của hết thảy khổ, nên gọi là sinh khổ. Vì làm hư hoại tuổi sung mãn đáng yêu, nên là khổ già. Vì làm hủy hoại sự đáng yêu, không bệnh, nên là khổ bệnh. Vì làm hư hoại tuổi thọ đáng yêu, nên là khổ chết. Vì gặp phải cảnh giới không đáng yêu, nên là khổ không yêu mà gặp gỡ. Vì phải chia lìa với cảnh giới đáng yêu, nên khổ vì yêu mà phải biệt ly. Vì tất cả ý đã nghĩ đều không đạt hiệu quả, nên là khổ vì mong cầu mà không được.

Các khổ như thế v.v... vì đều thuộc về thủ ấm hữu lậu, nên nói rằng: Nói lược năm thủ ấm là khổ.

Hỏi: Năm thủ ấm là khổ rộng, vì sao: nói lược năm thủ ấm là khổ?

Đáp: Năm thủ ấm nói rộng cũng là khổ, nói lược cũng là khổ. Trụ trong năm thủ ấm, có nhiều lỗi lầm, nói không thể hết. Cho nên Phật nói: Nói lược thì, năm thủ ấm là khổ. Giống như có người gây ra nhiều lỗi lầm, nên người khác nói: Tội ác của người ấy, không thể nói hết. Nói lược là người nhiều tội lỗi. Khổ kia cũng giống như thế.

Hỏi: Trong ấm có niềm vui hay không? Nếu trong ấm có niềm vui vì sao không nói lạc để chỉ nói khổ để? Nếu không có niềm vui, thì làm sao hiểu được kinh Phật? Như nói: Nầy Ma-ha-nam! Nếu sắc hoàn toàn khổ, không có vui, thì không thể sinh ý vui mừng, chúng sinh không còn có nhân khác, có thể khiến chúng sinh khởi lên tâm ái. Nầy Ma-ha-nam! Vì sắc chẳng phải hoàn toàn khổ, nên chúng sinh ở trong đó khởi tâm nhiễm ái, cho đến thức cũng giống như thế.

Lại như nói ba thọ đều có tự thể nhất định, không kết hợp xen lẫn nhau, nghĩa là khổ, vui, không khổ, không vui.

Lại như nói các vật dụng cần thiết có thể giúp tu đạo, vì đạo có thể dẫn đến Niết-bàn, do niềm vui của đạo, có thể đạt được sự an vui Niết-bàn?

Đáp: Nên nói rằng: Trong ấm có vui, mà vui ít, khổ nhiều, pháp vui ít, pháp khổ nhiều. Vì vui ít nên nói ở trong phần khổ. Ví như bình thuốc độc, một giọt mật rơi vào trong ấy, không vì một giọt mật mà gọi

là bình mật, vì chất độc nhiều, nên gọi là bình thuốc độc. Ấm vui ít, khổ nhiều kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Trong ấm không có niềm vui, do việc này, nên gọi là khổ đế, không gọi là lạc đế.

Hỏi: Nếu vậy, làm sao hiểu được kinh Phật?

Đáp: Khi chịu khổ trên trong đó khổ mà nghĩ là vui. Lúc khổ ở trong thọ, đó khổ mà nghĩ là vui. Khi chịu khổ trong địa ngục, thì cho khổ của súc sinh là vui. Lúc chịu khổ súc sinh, thì cho khổ ngựa quý là vui. Khi chịu khổ ngựa quý, thì cho khổ của người là vui. Lúc chịu khổ của con người thì cho khổ cõi trời là vui.

Lại có thuyết nói: Như người đời nói: Trong ấm có vui. Người đời lúc đói khát được uống ăn. Khi lạnh giá được ấm, lúc uể oải được thư giãn, khi nóng nực được mát mẻ, nên nói rằng: Nay ta được vui.

Như bậc Thánh nói: Trong ấm không có niềm vui. Tức bậc Thánh quán ấm, giới, nhập của địa ngục A-tỳ như thổi sắt nóng, cho đến quán ấm, giới, nhập cõi trời Hữu Đảnh, cũng như viên sắt nóng.

Thế nào là Khổ Tập Thánh Đế?

Kinh Phật nói: Sinh ái của hậu hữu và tâm hỷ, đều là ái, chỗ nào đều là hỷ, ái, đó gọi là khổ tập Thánh đế?

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn bỏ các pháp hữu lậu, chỉ nói ái là Tập đế, chẳng phải pháp khác?

Đáp: Lập bày ra Tập đế, thế dụng của ái tăng trưởng vượt hơn, nên Phật chỉ nói ái là tập đế, chẳng phải pháp hữu lậu khác. Như tư đối với pháp tạo tác, thế dụng tăng trưởng, hơn hẳn nên Phật đã nói tư là hành ấm ở trong tất cả pháp tương ưng bất tương ưng. Ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do ái là nhân khổ của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, là nhân cội gốc của chỗ sanh khởi, sinh ra.

Lại nữa, do ái thường sinh khổ, với thế dụng vượt hơn, như kệ nói:

*Như cây không chặt rễ
Dù chặt nhưng lại mọc,
Không nhổ gốc rễ ái,
Thì lại chịu khổ.*

Lại nữa, ái có thể làm thấm nhuần, cũng có thể đốt hại, giống như giọt dầu đang nóng nhỏ trên thân người, vừa thấm nhuần, vừa phỏng, Ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do ái có thể dấy khởi quỷ tử thi thọ sinh. Ví như ở chỗ có

nước, có thể khởi lên quỷ tử thi. Cũng thế, chỗ có nước ái, có thể khởi quỷ tử thi thọ sinh.

Lại nữa, do ái, nên nhận, nuôi các vật thuộc số chúng sinh, phi số chúng sinh. Chúng sinh do ái nên nuôi chứa các vật thuộc số chúng sinh, như là vợ con, tôi tớ, voi, ngựa, bò, dê v.v... Chúng sinh do ái, nên nuôi chứa các vật thuộc số phi chúng sinh: như là cung điện, nhà cửa, các thứ của báu và các thứ lúa, gạo, v.v...

Lại nữa, chúng sinh do ái, nên nuôi lớn thân nam, thân nữ. Chúng sinh do ái nên như pháp cung cấp, nuôi nấng cha mẹ, vợ con, tôi tớ, và các thân thuộc, tri thức. Như loài chim do ái, nên ở trong một hang nhận các thứ côn trùng, ở trong một hang, tự nuôi con mình.

Lại nữa, do ái dục, nên được thân hữu ở vị lai Vì dục, vì theo đuổi, tìm kiếm nên được.

Lại nữa, do ái thấm nhuần, nên làm cho sự sinh tử không khô héo. Ví như quả thuốc, cây cối, do được nước thấm nhuần, nên không héo khô. Ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do ái thấm nhuần, nên nấy mầm của hữu sau. Do ái, nên tinh khí của cha mẹ kết hợp trong thai mẹ, làm chỗ nương cho Kiên- thất-bà.

Lại nữa, như ái, hành nơi chỗ nương, chỗ duyên mà sinh, hành chỗ nương dựa, chỗ duyên của các phiền não khác cũng sinh khởi. Như chỗ cá lớn bơi lội, cá nhỏ cũng lội theo. Ái kia cũng giống như thế.

Do việc ấy nên nói ái là đứng đầu trong các phiền não của chúng sinh.

Lại nữa, nếu trong thân có ái chấp, thì phiền não khác cũng chấp mắc theo. Như áo dính dầu mỡ, thì bụi nhơ cũng bám vào. Ái nọ cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu trong thân có nước ái, thì các phiền não cũng ưa bám vào thân này. Ví như ở chỗ nào có nước, thì các loài thủy tánh như cá v.v... cũng thích sống trong đó, ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, ái như nước muối khó có thể đặt chân. Giống như người khát nước, mà uống nước muối, càng uống, càng khát, cũng thế, chúng sinh chưa lìa dục, lại càng sinh khởi khát ái đối với cảnh giới.

Lại nữa, do ái, nên chúng sinh khác nhau có thể làm cho hội hợp. Như do nước, nên có thể làm cho đất cát khác nhau được kết hợp. Ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do ái nên làm cho căn thiện của chúng sinh không thành thực. Cũng tạo ra chất ướt thấm nhuần khiến bám vào thân mình. Ví như

ruồi lẩn thích dầu tồ, mật, trên cỏ ướt, khiến chúng không thể bay lên cao. Ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, khi nhân của ái với chỗ hành khác, lúc đạt quả thì chỗ hành khác. Chỗ hành lúc tạo nhân như người thân. Chỗ hành lúc đạt quả thì như kẻ thù. Cũng như người lái buôn ra biển giao tiếp với La-sát, chỗ hành ban đầu khác, chỗ hành về sau khác. Đầu tiên La-sát nói: Tốt lắm! Bạc Hiền thiện! Tốt thay! Bạc Đại tiên! Xin hãy làm chủ chúng tôi! Cho đến nói rộng. Về sau, khi đã gặp gỡ xúc chạm, khi đắc ý liền bắt trói giam vào thành sắt, rồi ăn thịt, uống máu người lái buôn kia, chỉ còn lại xương. Ái cũng giống như thế, chỗ hành lúc gieo nhân, giống như người thân, còn chỗ hành lúc đạt quả thì như kẻ thù.

Chúng sinh do ái, nên đã gây ra các nghiệp ác, phải đọa trong đường ác, chịu vô lượng khổ.

Lại nữa, nói ái là nhân thọ sinh, như nói nghiệp là nhân của thủ sinh, ái là nhân của thọ sinh.

Lại nữa, ái rất khó dứt bỏ. Ở đây, nên nói dụ, như có người bị hai La-sát bắt giữ.

1. Làm hình dáng mẹ.

2. Làm hình dáng kẻ thù người mang hình dáng mẹ, thì khó dứt, khó bỏ. Kẻ mang hình dáng oán thù oán thì dễ dứt, dễ bỏ.

Cũng thế, chúng sinh khi chưa lìa dục, bị hai kiết tạo nhân, đó là kiết giận dữ và kiết ái. Kiết giận dữ thì dễ dứt, dễ bỏ, còn kiết ái rất khó dứt, khó bỏ.

Lại nữa, do kiết ái thường vận hành vi tế. Khi ái vận hành vi tế thì khó có thể biết. Ví như người thợ quán dây xoắn, dùng vật bén nhọn, có chỗ cắt đứt rất nhỏ nhất khó nhận biết. Ái kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do ái ở trong ba chi hữu: Sự sinh đầu tiên là ái, ái lan rộng thêm là Thủ, nên theo thứ lớp diệt trước là vô minh.

Lại nữa kinh Phật nói: Ái là kẻ đi trước dẫn dắt. Như nói: A-nan nên biết! Vì duyên theo ái nên có sự theo đuổi, tìm kiếm. Vì duyên theo sự theo đuổi, tìm kiếm, nên được. Vì duyên theo chỗ được, nên phần xử. Vì duyên theo sự phần xử, nên sinh ra Ái riêng. Vì duyên theo ái riêng nên sinh tham đắm, vì duyên theo tham đắm, nên sinh keo kiệt. Vì duyên theo keo kiệt, nên thọ không xả. Vì duyên theo thọ không xả, nên sinh gìn giữ. Vì duyên theo chỗ gìn giữ, nên cầm dao, cầm gậy, sinh ra các thứ tranh chấp, nói dối, lừa đảo, sinh ra các thứ pháp ác, bất thiện khác.

Lại nữa, do ái nên nhiễm ô ở tám xứ, do thế dụng của định vượt

hơn. Như nói vị Sơ thiên, lúc trụ cũng là vị, khi khởi cũng là vị, cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ cũng giống như thế.

Lại nữa, Phật nói: Ái như sự trói buộc. Như kệ nói: Ái trói buộc chúng sinh. Như dây buộc chim bay. Cho đến nói rộng.

Lại nữa, Phật nói: Ái như tấm lưới! Như nói: Ta nói ái như lưới, như cành cây.

Lại nữa, Phật nói ái là rộng, như nói rộng lớn không gì hơn khát ái.

Lại nữa, nói ái như con sông, như nói: Tỳ-kheo nên biết! Có ba con sông là ái dục, ái sắc và ái Vô sắc.

Lại nữa, ái khó cắt đứt, khó vượt qua, khó dứt trừ.

Lại nữa, ái gây ra nhiều thứ lỗi lầm.

Lại nữa, vì ái nên giới khác nhau, địa khác nhau, chủng loại khác nhau, có thể sinh khởi tất cả phiền não.

Các việc như thế v.v..., nên kinh Phật nói: Ái là Tập đế, chẳng phải pháp hữu lậu khác.

Thế nào là Khổ Diệt Thánh đế?

Đáp: Kinh Phật nói: Sinh ái của thân sau cùng và âm Hỷ, đều là ái, nơi nào cũng là Hỷ, ái. Tất cả đã được nhả bỏ xả hết. Đó gọi là Khổ diệt Thánh đế.

Hỏi: Tập cũng là Diệt, vì sao chỉ nói Khổ Diệt Thánh đế, không nói Tập Diệt Thánh đế?

Đáp: Lẽ ra phải nói Tập Diệt Thánh đế, cũng như nói Khổ Diệt Thánh đế, mà không nói, nên biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, nếu nói Khổ, diệt, nên biết đã nói Tập, diệt. Vì sao? Vì ngoài Khổ, không còn có Tập. Nếu nói Khổ, diệt nên biết là đã nói Tập, diệt.

Lại nữa, nếu nói Khổ, diệt, thì người được giáo hóa, sẽ sinh tâm vui mừng vì nói Diệt này là mẫu nhiệm, tốt đẹp, có thể dứt trừ sự xấu ác ấy. Pháp khổ tập thì không như vậy.

Do những việc như thế v.v..., nên chỉ nói Khổ, diệt, không nói Tập, diệt.

Thế nào là Khổ Diệt Đạo Thánh đế?

Đáp: Kinh Phật nói: Tám Thánh đạo: tức gồm Chánh kiến cho đến Chánh định.

Hỏi: Tám Thánh đạo này cũng là Tập, diệt, đạo chẳng? Hay chỉ là Khổ, diệt, đạo? Vì sao chỉ nói Khổ Diệt Đạo không nói Tập, diệt, đạo? Đáp: Như nói Khổ, diệt, đạo Thánh đế cũng nên nói Tập, diệt, đạo

Thánh đế, mà không nói, phải biết lời này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, nếu nói Khổ Diệt Đạo Thánh đế, nên biết đã nói Tập, diệt Đạo Thánh đế. Vì sao? Vì ngoài Khổ thì không còn có Tập.

Lại nữa, nếu nói Khổ, diệt, đạo Thánh đế, thì người được giáo hóa sẽ sinh tâm vui mừng, nói là đạo tốt đẹp, vi diệu, có thể tiêu diệt mọi sự xấu ác này. Pháp Khổ, tập không như vậy.

Lại nữa, vì muốn hiển bày sức của đạo, khiến cho khổ bất sinh. Nếu có người hỏi về Đạo: Ông có thể khiến cho nhân chẳng phải nhân, quả chẳng phải quả được chăng? Người đạo nên đáp: Không thể! Chỉ có thể khiến cho nhân duyên sinh ra khổ bất sinh.

Lại nữa, vì ngăn dứt người chê bai đạo. Như người bảy, tám tuổi chứng được đạo A-la-hán, về sau sống lâu trăm tuổi, trong khoảng đó, thân chịu vô lượng các khổ. Cũng thế, Bốn trăm lẻ bốn bệnh v.v... người đời đã thấy vậy nói: Người này có đạo, vì không làm ích lợi gì, nên phải chịu khổ như vậy.

Phật nói: Đạo đã đối với người này, phần lớn có sự tạo tác. Nếu người này chết thì không còn chịu các khổ.

Do những việc như thế, v.v..., nên nói Khổ, diệt, đạo Thánh đế, không nói Tập, diệt, đạo Thánh đế.

